

HỌC LIỆU MỞ VÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI: VAI TRÒ ĐỘT PHÁ TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Đỗ Thị Thanh Thủy¹

Tóm tắt. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, học liệu mở đang nổi lên như một công cụ quan trọng thúc đẩy đổi mới và phát triển giáo dục đại học. Với khả năng cung cấp tài nguyên giáo dục miễn phí hoặc giá rẻ, học liệu mở không chỉ giúp giảm chi phí học tập mà còn mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng giảng dạy. Bài báo này phân tích vai trò của học liệu mở trong việc chuyển đổi giáo dục tại các trường cao đẳng và đại học trong kỷ nguyên số. Bài báo chỉ ra các lợi ích của học liệu mở như thúc đẩy sáng tạo, chia sẻ tri thức, và giảm chi phí học liệu, từ đó mở rộng cơ hội học tập cho sinh viên trên toàn cầu. Tuy nhiên, việc triển khai học liệu mở gặp phải nhiều thách thức, bao gồm vấn đề bản quyền, sự thiếu nhận thức và kỹ năng từ giảng viên và sinh viên, cũng như hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ. Để vượt qua những rào cản này, bài báo đề xuất giải pháp như nâng cao nhận thức, xây dựng chính sách hỗ trợ, và đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ. Qua đó, học liệu mở không chỉ đóng góp vào sự đổi mới giáo dục mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự hợp tác quốc tế và phát triển bền vững trong giáo dục đại học và cao đẳng.

Từ khóa: Học liệu mở - OER, Chuyển đổi giáo dục, E-learning, Cộng đồng học tập mở, Kỷ nguyên số

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục hiện đại, việc áp dụng công nghệ và phương pháp giảng dạy mới đang ngày càng trở nên quan trọng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của thế hệ sinh viên kỹ thuật số. Một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển này là học liệu mở (Open Educational Resources - OER), được xem như một công cụ mạnh mẽ hỗ trợ sự đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục (Wiley, 2014). Học liệu mở không chỉ đơn thuần là các tài liệu giáo dục miễn phí mà còn bao gồm những mô-đun, giáo trình, tài nguyên số hóa, và các nền tảng trực tuyến cho phép người học dễ dàng tiếp cận và sử dụng một cách linh hoạt. Tài nguyên này không chỉ góp phần giảm thiểu chi phí học tập mà còn tạo cơ hội chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm học tập trên toàn cầu (OECD, 2015).

Các trường cao đẳng và đại học đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai và áp dụng học liệu mở. Sự gia tăng của học liệu mở đã thúc đẩy việc chuyển đổi giáo dục từ các mô hình giảng dạy truyền thống sang các phương pháp hiện đại, khuyến khích sinh viên tự học và học tập cộng tác. Hệ thống OER giúp nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua việc cung cấp tài nguyên phong phú và dễ dàng truy cập, từ đó thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong phương pháp học tập (Attwell, 2007). Bên cạnh đó, học liệu mở cũng đóng góp vào việc tăng cường tính tự chủ và khả năng tiếp cận giáo dục, đặc biệt là đối với sinh viên ở các khu vực khó khăn, giúp rút ngắn khoảng cách giữa các nền giáo dục phát triển và đang phát triển (Vrasidas & Glass, 2005).

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích nổi bật, việc áp dụng học liệu mở trong giáo dục đại học cũng đối mặt với nhiều thách thức. Sự thiếu nhận thức và hiểu biết về OER, vấn đề bản quyền, và sự bất cập trong cơ sở hạ tầng công nghệ là những yếu tố cản trở sự phát triển của học liệu mở (Bell & Federman, 2013). Để tận

Ngày nhận bài: 25/10/2024. Ngày chỉnh sửa: 23/11/2024. Ngày nhận đăng: 15/12/2024.

¹Trường Cao đẳng Yên Bái

Tác giả liên hệ: Đỗ Thị Thanh Thủy. Địa chỉ e-mail: dtthuy.c3hqv@yenbai.edu.vn

dụng tối đa tiềm năng của OER, các cơ sở giáo dục cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nâng cao nhận thức của giảng viên và sinh viên, và phát triển các chính sách hỗ trợ việc sử dụng và chia sẻ học liệu mở một cách hiệu quả (Weller, 2014).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, học liệu mở đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn trong việc thúc đẩy sự hợp tác quốc tế giữa các trường đại học. Nghiên cứu này sẽ phân tích vai trò của học liệu mở trong việc chuyển đổi giáo dục tại các trường cao đẳng và đại học, đồng thời đề xuất các giải pháp để khắc phục những thách thức tồn tại, từ đó thúc đẩy việc sử dụng OER một cách hiệu quả và bền vững trong kỷ nguyên số.

2. Học liệu mở

Học liệu mở (Open Educational Resources - OER) được định nghĩa là các tài nguyên giáo dục có sẵn công khai và miễn phí, có thể được sử dụng, chỉnh sửa, tái sử dụng, và phân phối lại mà không cần phải trả tiền bản quyền. Những tài liệu này bao gồm sách giáo trình, bài giảng, bài tập, công cụ hỗ trợ học tập, và các nền tảng trực tuyến, tất cả đều được cấp phép dưới các hình thức như Creative Commons hoặc giấy phép mở khác (Wiley, 2014; UNESCO, 2012).

OER không chỉ đơn thuần là việc cung cấp tài liệu học tập miễn phí mà còn nhằm thúc đẩy tính chia sẻ và hợp tác trong cộng đồng học thuật. Khác với tài liệu giáo dục truyền thống, OER cho phép người học và giảng viên tự do tùy chỉnh, chia sẻ, và nâng cao nội dung theo nhu cầu và ngữ cảnh học tập của mình (OECD, 2015). Tài nguyên mở không đòi hỏi người dùng trả phí bản quyền, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho cả sinh viên và các cơ sở giáo dục (Attwell, 2007).

OER xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như sách giáo trình mở, tài liệu số hóa, bài giảng video, phần mềm, và các nền tảng học tập trực tuyến. Một trong những ví dụ nổi bật là Khan Academy, cung cấp hàng nghìn bài giảng video và tài liệu học tập miễn phí, giúp học sinh và sinh viên tiếp cận kiến thức từ mọi nơi trên thế giới (OECD, 2015). Tương tự, nền tảng VOER (Tài nguyên Giáo dục Mở Việt Nam) đã cung cấp hàng chục nghìn tài liệu giáo dục cho người Việt, góp phần nâng cao chất lượng học tập và đào tạo tại các cơ sở đại học và cao đẳng (VN Foundation, 2020).

Đặc điểm chính của OER là tính mở và khả năng sử dụng lại, cho phép người học có thể tùy chỉnh, cập nhật, và phân phối lại các tài liệu theo nhu cầu học tập. Điều này giúp thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong giáo dục, đặc biệt trong kỷ nguyên kỹ thuật số, nơi mà việc học tập không chỉ giới hạn trong các lớp học truyền thống mà còn mở rộng ra toàn cầu (Weller, 2014).

Tuy nhiên, việc áp dụng OER cũng đặt ra một số thách thức, bao gồm vấn đề bản quyền, khả năng tiếp cận, và chất lượng của các tài liệu. Để tối ưu hóa tiềm năng của OER, cần có các cơ chế hỗ trợ từ phía các cơ quan giáo dục và chính phủ, nhằm đảm bảo rằng những tài nguyên này thực sự đáp ứng nhu cầu học tập của người dùng và không gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giảng dạy (Bell & Federman, 2013).

3. Vai trò của học liệu mở trong giáo dục đại học và cao đẳng

3.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập

OER đóng vai trò quan trọng trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập tại các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng. Các phương pháp giảng dạy truyền thống đang dần được thay thế bởi các mô hình học tập hiện đại như học tập kết hợp (blended learning) và học tập tự định hướng (self-directed learning). Học liệu mở hỗ trợ tích cực cho những phương pháp này bằng cách cung cấp tài nguyên phong phú, dễ tiếp cận, và cho phép người học học tập linh hoạt theo tốc độ và nhu cầu cá nhân (Weller, 2014).

Một trong những vai trò quan trọng của OER là khuyến khích phương pháp học tập cá nhân hóa, nơi sinh viên có thể điều chỉnh tài liệu để phù hợp với cách học tập của mình, giúp nâng cao hiệu quả học tập và tạo điều kiện cho sự sáng tạo trong việc tiếp cận kiến thức (OECD, 2015). Tài nguyên OER như bài giảng trực tuyến, giáo trình mở, và video hướng dẫn không chỉ cung cấp tài liệu lý thuyết mà còn hỗ trợ việc học thực hành và thảo luận nhóm, từ đó tăng cường tương tác và trao đổi kiến thức giữa sinh viên và giảng viên (UNESCO, 2012).

Bên cạnh đó, học liệu mở khuyến khích phương pháp giảng dạy kết hợp (blended learning), nơi giảng viên có thể sử dụng tài liệu số hóa và OER để hỗ trợ việc học trực tuyến và trong lớp học, tạo ra một môi trường học tập linh hoạt và tích cực hơn. Việc sử dụng OER giúp giảm tải công việc cho giảng viên, đồng thời thúc đẩy sinh viên chủ động hơn trong việc tìm kiếm, sử dụng và đánh giá thông tin học tập (Bell & Federman, 2013).

Cuối cùng, OER không chỉ cung cấp tài nguyên mà còn là nền tảng quan trọng để giảng viên và sinh viên hợp tác, chia sẻ kiến thức, và sáng tạo tài nguyên mới. Điều này làm cho quá trình học tập trở nên sáng tạo hơn, đồng thời khuyến khích sự trao đổi và xây dựng cộng đồng học thuật mở (Vrasidas & Glass, 2005).

3.2. Tăng cường tiếp cận giáo dục

Giảm chi phí học liệu, hỗ trợ sinh viên khó khăn

Một trong những ưu điểm nổi bật của học liệu mở là khả năng cung cấp tài liệu giáo dục chất lượng cao mà không cần chi trả chi phí bản quyền hay mua sắm các nguồn tài nguyên vật lý. Theo UNESCO (2012), học liệu mở giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận sách giáo trình, tài liệu học tập, bài giảng và các nguồn lực học tập khác một cách miễn phí hoặc với chi phí thấp, điều này rất hữu ích đối với những sinh viên thiếu thốn về tài chính hoặc ở vùng sâu vùng xa.

Bên cạnh đó, học liệu mở còn hỗ trợ sinh viên trong việc học tập tự định hướng và phát triển kỹ năng cá nhân, thông qua các tài nguyên số hóa như bài giảng trực tuyến, video, tài liệu thảo luận, và phần mềm học tập tương tác. Điều này không chỉ giúp giảm gánh nặng tài chính mà còn cung cấp sự linh hoạt trong việc học tập, giúp sinh viên có thể tiếp cận giáo dục một cách hiệu quả hơn (Weller, 2014).

Hơn nữa, OER cũng góp phần giảm thiểu sự không đồng đều trong chất lượng giáo dục giữa các khu vực và quốc gia. Các trường đại học có thể sử dụng các tài nguyên này để cải thiện phương pháp giảng dạy và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên trên khắp các vùng miền.

Xây dựng cộng đồng học tập mở giữa các trường đại học

Học liệu mở không chỉ giúp tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục cá nhân mà còn thúc đẩy xây dựng cộng đồng học tập mở giữa các trường đại học và tổ chức giáo dục. Theo Weller (2014), việc chia sẻ tài nguyên mở giữa các cơ sở giáo dục giúp tạo ra một môi trường học tập toàn cầu hóa, nơi mà kiến thức được kết nối và chia sẻ một cách dễ dàng hơn.

Cộng đồng học tập mở giữa các trường đại học không chỉ giúp sinh viên từ các quốc gia khác nhau tiếp cận tài liệu giảng dạy mà còn khuyến khích sự hợp tác giữa giảng viên và học giả trong việc tạo ra và phát triển học liệu. Điều này dẫn đến sự gia tăng đáng kể trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển chương trình học, và tạo ra những tài nguyên chất lượng cao phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Những nền tảng học liệu mở như VOER ở Việt Nam, hay các kho tài nguyên giáo dục toàn cầu như OER Commons, đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các trường đại học và cung cấp tài nguyên cho cộng đồng giáo dục mở. Điều này giúp tạo dựng một hệ sinh thái học tập mở, nơi mà không ai bị bỏ lại phía sau và mọi người đều có cơ hội học tập tốt hơn (Bell & Federman, 2013).

3.3. Thúc đẩy sáng tạo và chia sẻ tri thức

Vai trò của học liệu mở trong thúc đẩy sáng tạo và chia sẻ tri thức

OER đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sáng tạo và chia sẻ tri thức trong cộng đồng giáo dục. Với việc cho phép giảng viên và sinh viên đồng sáng tạo tài nguyên học tập, OER không chỉ cung cấp nội dung học tập mà còn khuyến khích người dùng tham gia vào quá trình phát triển và cải tiến tài liệu. Điều này tạo cơ hội để cả giảng viên và sinh viên đóng góp ý tưởng, điều chỉnh nội dung theo nhu cầu và ngữ cảnh cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng học liệu (OECD, 2015). Thực tế, OER giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào các tài liệu cố định, thúc đẩy tư duy sáng tạo và khuyến khích người học và giảng viên đóng vai trò chủ động trong việc xây dựng nội dung học tập phù hợp.

Một lợi ích khác của OER là việc tạo môi trường học tập mở, nơi các ý tưởng và kiến thức có thể được chia sẻ và điều chỉnh liên tục. Giảng viên không còn là người duy nhất tạo ra và kiểm soát tài liệu giảng dạy,

mà thay vào đó, sinh viên và đồng nghiệp có thể tham gia vào quá trình phát triển, bổ sung hoặc sửa đổi tài liệu một cách dễ dàng. Việc này giúp tăng cường hợp tác và chia sẻ tri thức giữa các thành viên trong cộng đồng học thuật, từ đó mở rộng phạm vi và chất lượng của tài liệu giáo dục (Vrasidas & Glass, 2005).

Học liệu mở cũng khuyến khích sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy. Khi người học có thể truy cập vào nhiều tài liệu và nguồn thông tin đa dạng, họ có thể chọn lựa các nội dung phù hợp với nhu cầu của mình, từ đó phát triển năng lực tư duy phản biện và sáng tạo. Đồng thời, giảng viên có thể điều chỉnh tài liệu theo cách sáng tạo hơn, xây dựng các nội dung phù hợp với mục tiêu giảng dạy và học tập của họ (Weller, 2014).

Vai trò của công nghệ số trong chia sẻ và bảo tồn học liệu

Công nghệ số đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ và bảo tồn học liệu mở. Các nền tảng trực tuyến như MOOC (Massive Open Online Courses), thư viện số, và các hệ thống quản lý học liệu đều cung cấp cơ sở hạ tầng cần thiết để lưu trữ, chia sẻ, và tiếp cận tài liệu học tập. Công nghệ số không chỉ giúp giảm chi phí và thời gian trong việc phân phối tài liệu, mà còn hỗ trợ việc bảo tồn học liệu mở một cách lâu dài và hiệu quả (Bell & Federman, 2013).

Cụ thể, nền tảng trực tuyến cho phép giáo viên và sinh viên dễ dàng truy cập, tải xuống, và chỉnh sửa tài liệu. Hệ thống lưu trữ đám mây, công nghệ mã nguồn mở, và cơ sở dữ liệu số giúp đảm bảo rằng tài liệu sẽ không bị thất lạc hoặc biến mất theo thời gian. Việc sử dụng công nghệ số cũng giúp tạo ra các công cụ và ứng dụng hỗ trợ việc tìm kiếm, phân loại, và tổ chức tài liệu một cách dễ dàng (UNESCO, 2012).

Ngoài ra, công nghệ số cũng thúc đẩy khả năng chia sẻ tri thức thông qua việc phát triển mạng lưới học tập mở rộng. Giảng viên và học giả từ khắp nơi trên thế giới có thể hợp tác, chia sẻ tài liệu, và cập nhật kiến thức nhanh chóng mà không bị giới hạn về địa lý. Sự tương tác này giúp nâng cao chất lượng học liệu mở và thúc đẩy sáng tạo tri thức trên phạm vi toàn cầu (Weller, 2014).

Cuối cùng, công nghệ số đã giúp nâng cao khả năng bảo vệ bản quyền và khuyến khích sử dụng hợp lý học liệu mở. Các hệ thống cấp phép như Creative Commons cho phép người dùng dễ dàng xác định điều kiện sử dụng tài liệu, từ đó giảm các mối lo ngại về quyền sở hữu trí tuệ (OECD, 2015).

4. Thách thức và giải pháp tại các trường đại học và cao đẳng hiện nay

4.1. Thách thức

Tại Việt Nam, các trường đại học và cao đẳng đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc triển khai học liệu mở (OER), đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và chuyển đổi số đang được đẩy mạnh. Một trong những trở ngại lớn nhất là sự thiếu nhận thức và năng lực sử dụng học liệu mở của cả giảng viên lẫn sinh viên. Phần lớn các trường vẫn chưa nhận thức đầy đủ về lợi ích lâu dài của OER, dẫn đến sự thờ ơ hoặc áp dụng một cách hình thức. Theo các nghiên cứu gần đây, tại nhiều trường đại học ở Việt Nam, tỉ lệ giảng viên sử dụng OER còn rất thấp, phần lớn do thiếu thông tin và kỹ năng khai thác tài nguyên này. Điều này dẫn đến sự lãng phí tiềm năng của OER trong việc cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập.

Ngoài ra, thách thức về bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ cũng là một vấn đề cấp bách. Tại Việt Nam, khung pháp lý về học liệu mở vẫn chưa được hoàn thiện, gây ra sự mơ hồ trong việc cấp phép và sử dụng tài nguyên. Một số giảng viên lo ngại rằng việc sử dụng tài liệu mở có thể dẫn đến các rủi ro pháp lý, đặc biệt khi tài liệu không đáp ứng các tiêu chuẩn bản quyền quốc tế. Tình trạng này không chỉ làm giảm sự tự tin của giảng viên mà còn hạn chế khả năng chia sẻ và tái sử dụng tài nguyên học liệu giữa các cơ sở giáo dục. Điều này càng trở nên phức tạp khi các trường đại học lớn tại Việt Nam bắt đầu áp dụng các chương trình liên kết quốc tế, nơi yêu cầu tuân thủ chặt chẽ các quy định về bản quyền.

Một thách thức khác là sự chênh lệch về cơ sở hạ tầng công nghệ giữa các trường đại học và cao đẳng, đặc biệt là giữa khu vực thành thị và nông thôn. Dù hầu hết các trường lớn ở Việt Nam đã được trang bị hệ thống công nghệ hiện đại, nhiều trường tại các tỉnh lẻ vẫn phải đối mặt với điều kiện cơ sở vật chất hạn chế. Tình trạng thiếu máy tính, đường truyền Internet yếu hoặc không ổn định khiến việc truy cập và sử dụng OER trở nên khó khăn. Theo một báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, các cơ sở giáo dục tại

vùng sâu, vùng xa thường gặp khó khăn trong việc triển khai các hệ thống học liệu số, làm gia tăng khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các khu vực.

Bên cạnh đó, còn tồn tại thách thức về thái độ và thói quen giảng dạy truyền thống. Nhiều giảng viên vẫn quen thuộc với việc sử dụng giáo trình và tài liệu in ấn, chưa sẵn sàng chuyển đổi sang các tài nguyên số như OER. Điều này một phần do tâm lý ngại thay đổi và một phần do thiếu hỗ trợ từ các chương trình đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ. Việc triển khai OER đòi hỏi các trường cần đầu tư không chỉ vào cơ sở hạ tầng công nghệ mà còn vào việc tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo nhằm nâng cao nhận thức và năng lực cho đội ngũ giảng viên và sinh viên.

Nhìn chung, để vượt qua những thách thức trên, các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam cần có chiến lược đồng bộ từ việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ, hoàn thiện khung pháp lý, đến việc thúc đẩy nhận thức và kỹ năng sử dụng học liệu mở. Điều này không chỉ giúp tăng cường khả năng tiếp cận tri thức mà còn thúc đẩy sự đổi mới trong giáo dục, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

4.2. Giải pháp

Tại Việt Nam, để giải quyết các thách thức trong việc triển khai học liệu mở (OER) tại các trường đại học và cao đẳng, cần có các giải pháp đồng bộ tập trung vào nâng cao nhận thức, hoàn thiện chính sách hỗ trợ, và đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, phù hợp với bối cảnh giáo dục trong nước.

Nâng cao nhận thức và kỹ năng. Việc nâng cao nhận thức và kỹ năng của giảng viên và sinh viên về học liệu mở là yếu tố then chốt. Hiện nay, nhiều giảng viên và sinh viên tại Việt Nam vẫn chưa hiểu rõ về khái niệm OER cũng như cách ứng dụng tài nguyên này vào giảng dạy và học tập. Các chương trình đào tạo, hội thảo, và khóa học chuyên đề về OER cần được tổ chức thường xuyên. Những khóa đào tạo này không chỉ trang bị kỹ năng tìm kiếm, đánh giá, và sử dụng học liệu mở mà còn giúp thay đổi nhận thức, khuyến khích tinh thần sáng tạo và chia sẻ tài nguyên giữa các giảng viên và sinh viên. Theo nghiên cứu của Ngọc Anh (2018), khi triển khai các chương trình đào tạo tại một số trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, nhận thức của giảng viên và sinh viên đã cải thiện đáng kể, từ đó thúc đẩy việc áp dụng tài nguyên mở vào thực tiễn giảng dạy.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ. Chính sách hỗ trợ đóng vai trò nền tảng trong việc khuyến khích sử dụng học liệu mở tại các cơ sở giáo dục. Ở Việt Nam, nhiều trường đại học và cao đẳng vẫn chưa có quy định rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế cấp phép cho học liệu mở. Do đó, các cơ quan quản lý giáo dục cần ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể, bao gồm quy định về bản quyền, cơ chế khuyến khích chia sẻ tài liệu mở, và công nhận đóng góp của giảng viên trong việc phát triển tài nguyên OER. Một ví dụ thành công đến từ Đại học Cần Thơ, nơi các chính sách hỗ trợ giảng viên biên soạn và chia sẻ tài liệu học tập đã khuyến khích họ chủ động sản xuất và chia sẻ học liệu với cộng đồng giáo dục. Theo nghiên cứu của Wiley và Hilton (2018), việc áp dụng chính sách cấp phép mở như Creative Commons đã giúp nhiều trường đại học trên thế giới đạt được sự minh bạch và thúc đẩy việc phổ biến học liệu mở.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ. Để đảm bảo khả năng tiếp cận học liệu mở một cách hiệu quả, các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam cần đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng công nghệ. Sự chênh lệch về điều kiện công nghệ giữa các trường ở khu vực thành thị và nông thôn đang là một rào cản lớn trong việc triển khai OER. Các cơ sở giáo dục cần ưu tiên trang bị các hệ thống quản lý học liệu trực tuyến (LMS), nâng cấp đường truyền Internet tốc độ cao, và phát triển các nền tảng chia sẻ tài nguyên học liệu hiện đại. Ngoài ra, việc phát triển các kho học liệu mở tập trung cấp quốc gia, như sáng kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sẽ giúp tạo ra một môi trường học tập cởi mở, nơi các trường đại học và cao đẳng có thể chia sẻ và trao đổi tài nguyên học tập một cách thuận lợi. Báo cáo của UNESCO (2019) đã nhấn mạnh vai trò của các nền tảng công nghệ tiên tiến trong việc xây dựng cộng đồng học tập mở, đồng thời hỗ trợ các giảng viên và sinh viên khai thác tối đa tiềm năng của OER.

Sự hợp tác và liên kết giữa các bên liên quan. Bao gồm, sự hợp tác giữa các trường đại học, cao đẳng, cơ quan quản lý giáo dục, và doanh nghiệp công nghệ là yếu tố cần thiết để đảm bảo thành công của OER

tại Việt Nam. Các trường có thể cùng phát triển học liệu mở liên ngành, chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm, đồng thời thúc đẩy các dự án nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của OER đến chất lượng giáo dục. Một ví dụ điển hình là sự hợp tác giữa Đại học Bách khoa TP.HCM và Đại học Công nghệ Thông tin trong việc xây dựng kho tài nguyên học liệu mở về khoa học và kỹ thuật, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận tài nguyên chất lượng cao.

Với các giải pháp đồng bộ như trên, học liệu mở không chỉ hỗ trợ các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam thích nghi với kỷ nguyên số mà còn tạo điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục, mở rộng cơ hội học tập, và đóng góp vào sự phát triển bền vững của giáo dục đại học trong nước.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng OER không chỉ hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn khuyến khích việc học tập cá nhân hóa, tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục, và thúc đẩy sự sáng tạo trong cộng đồng học thuật. Sử dụng học liệu mở giúp giảm chi phí học liệu, mở rộng cơ hội học tập cho sinh viên ở các vùng khó khăn, và giảm khoảng cách giữa các hệ thống giáo dục phát triển và đang phát triển. Hơn nữa, OER tạo điều kiện cho sự hợp tác và chia sẻ tri thức giữa các cơ sở giáo dục, khuyến khích các giảng viên và sinh viên đóng góp vào việc phát triển tài nguyên học tập mới.

Tuy nhiên, việc áp dụng OER không phải không có thách thức. Những rào cản như nhận thức hạn chế, vấn đề bản quyền, và cơ sở hạ tầng công nghệ không đồng đều tiếp tục cản trở sự phát triển của học liệu mở trong giáo dục. Để khắc phục những thách thức này, cần có những giải pháp cụ thể như nâng cao nhận thức, xây dựng chính sách hỗ trợ rõ ràng, và đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ hiện đại. Việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, chính phủ và cộng đồng học thuật sẽ giúp tối ưu hóa lợi ích của OER và hướng đến một hệ sinh thái giáo dục mở, nơi mà tri thức có thể tiếp cận một cách công bằng và bền vững.

Vì vậy, học liệu mở không chỉ là một công cụ hỗ trợ đổi mới trong giáo dục mà còn đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy sự hợp tác toàn cầu, nâng cao chất lượng giảng dạy, và tạo cơ hội học tập cho mọi người, không phân biệt vùng miền. Việc áp dụng hiệu quả OER sẽ góp phần xây dựng một hệ thống giáo dục đại học và cao đẳng mạnh mẽ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thế hệ sinh viên kỹ thuật số trong kỷ nguyên số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Allen, I. E., & Seaman, J. (2017). *Digital Learning Compass: Distance Education Enrollment Report 2017*. Babson Survey Group.
- [2] Attwell, G. (2007). *Personal Learning Environments – The future of eLearning?*
- [3] Bell, S., & Federman, M. (2013). *Open educational resources: Innovation, research and practice*.
- [4] Bùi, V. T., & Nghĩ, V. K. (2021). *Những khái niệm căn bản về đào tạo trực tuyến*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thanh Niên.
- [5] Capdeferro, N., & Romero, M. (2012). Are online learners frustrated with collaborative learning experiences? *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 13(2), 26-44.
- [6] Garrison, D. R., & Arbaugh, J. B. (2007). Researching the community of inquiry framework: Review, issues, and future directions. *The Internet and Higher Education*, 10(3), 157-172.
- [7] Garrison, D. R., Anderson, T., & Archer, W. (2000). Critical inquiry in a text-based environment: Computer conferencing in higher education. *The Internet and Higher Education*, 2(2-3), 87-105.
- [8] Graham, C. R., Woodfield, W., & Harrison, J. B. (2013). A framework for institutional adoption and implementation of blended learning in higher education. *The Internet and Higher Education*, 18, 4-14.
- [9] Harasim, L. (2012). *Learning theory and online technologies*. Routledge.
- [10] Harasim, L. (2017). *Learning theory and online technologies*. Routledge.

- [11] Hrastinski, S. (2008). Asynchronous and synchronous e-learning. *Educause Quarterly*, 31(4), 51-55.
- [12] Jonassen, D. H., & Land, S. M. (2012). *Theoretical foundations of learning environments*. Routledge.
- [13] OECD. (2015). *Policy guidance for open educational resources*.
- [14] UNESCO. (2012). *Open educational resources*.
- [15] VN Foundation. (2020). *Tài nguyên Giáo dục Mở Việt Nam*.
- [16] Vrasidas, C., & Glass, G. V. (2005). *Integrating technology in teaching and learning: Critical issues and trends*.
- [17] Weller, M. (2014). *The digital scholar: How technology is transforming academic practice*.
- [18] Wiley, D. (2014). *The access compromise: The relationship between the open content movement and the open access movement*.

ABSTRACT

Open educational resources and the transformation of modern education: a breakthrough role in colleges and universities in the digital era

In the context of modern education, Open Educational Resources (OER) are emerging as a pivotal tool driving innovation and development in higher education. By providing free or low-cost educational materials, OER not only help reduce learning expenses but also enhance accessibility and improve the quality of teaching. This paper analyzes the role of OER in transforming education at colleges and universities in the digital era. It highlights the benefits of OER, including fostering creativity, promoting knowledge sharing, and reducing material costs, thereby expanding learning opportunities for students globally. However, the implementation of OER faces numerous challenges, such as copyright issues, lack of awareness and skills among educators and students, and limitations in technological infrastructure. To overcome these barriers, the paper proposes solutions such as raising awareness, developing supportive policies, and investing in technological infrastructure. Through these efforts, OER not only contribute to educational innovation but also lay a solid foundation for international collaboration and sustainable development in higher and tertiary education.

Keywords: *Open Educational Resources - OER, Educational transformation, E-learning, Open learning community, Digital era..*